

Số: 02/2005/TTLT-BVHTT-BNV

Hà Nội, ngày 21 tháng 1 năm 2005

THÔNG TƯ LIÊN TỊCH

CỦA BỘ VĂN HOÁ- THÔNG TIN VÀ BỘ NỘI VỤ SỐ 02/2005/TTLT/BVHTT-BNV NGÀY 21 THÁNG 01 NĂM 2005 HƯỚNG DẪN CHỨC NĂNG, NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN VÀ CƠ CẤU TỔ CHỨC CỦA CƠ QUAN CHUYÊN MÔN GIÚP ỦY BAN NHÂN DÂN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ VĂN HOÁ -THÔNG TIN Ở ĐỊA PHƯƠNG

Căn cứ Nghị định số 63/2003/NĐ-CP ngày 11 tháng 6 năm 2003 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Văn hoá - Thông tin;

Căn cứ Nghị định số 45/2003/NĐ-CP ngày 9 tháng 5 năm 2003 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tiêu chuẩn của Bộ Nội vụ;

Căn cứ Nghị định số 171/2004/NĐ-CP ngày 29 tháng 9 năm 2004 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Nghị định số 172/2004/NĐ-CP ngày 29 tháng 9 năm 2004 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh;

Liên bộ Bộ Văn hoá - Thông tin và Bộ Nội vụ hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của cơ quan chuyên môn giúp Ủy ban nhân dân thực hiện chức năng quản lý nhà nước về văn hoá - thông tin ở địa phương như sau:

I. CƠ QUAN CHUYÊN MÔN GIÚP ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH, THÀNH PHỐ TRỰC THUỘC TRUNG ƯƠNG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ VĂN HOÁ THÔNG TIN

1. Vị trí và chức năng

1.1. Sở Văn hoá - Thông tin hoặc Sở Văn hoá - Thông tin và Thể thao là cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện chức năng quản lý nhà nước trên địa bàn tỉnh về di sản văn hoá, nghệ thuật biểu diễn, điện ảnh, mỹ thuật, nhiếp ảnh, triển lãm, báo chí, xuất bản, quyền tác giả đối với tác phẩm văn học - nghệ thuật, thư viện, quảng cáo, văn hoá quần chúng, thông tin cổ động, phát thanh, truyền hình; về các dịch vụ công thuộc ngành văn hoá - thông tin; thực hiện một số, nhiệm vụ, quyền hạn theo sự uỷ quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và theo quy định của pháp luật.

1.2. Sở Văn hoá - Thông tin chịu sự chỉ đạo, quản lý về tổ chức, biên chế và hoạt động của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, đồng thời chịu sự chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra về chuyên môn, nghiệp vụ của Bộ Văn hoá - Thông tin.

1.3. Sở Văn hoá - Thông tin và Thể thao chịu sự chỉ đạo, quản lý về tổ chức, biên chế và hoạt động của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, đồng thời chịu sự chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra về chuyên môn, nghiệp vụ về văn hoá, thông tin của Bộ Văn hoá - Thông tin và về thể dục, thể thao của Ủy ban Thể dục Thể thao.

2. Nhiệm vụ và quyền hạn về lĩnh vực văn hoá - thông tin

2.1. Trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành các quyết định, chỉ thị về quản lý lĩnh vực văn hoá - thông tin thuộc phạm vi quản lý của địa phương và phân cấp của Bộ Văn hoá - Thông tin; chịu trách nhiệm về nội dung các văn bản đã trình;

2.2. Trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt quy hoạch, kế hoạch dài hạn, 5 năm và hàng năm, các chương trình, dự án thuộc lĩnh vực quản lý của Sở phù hợp với quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế xã hội của địa phương, quy hoạch phát triển ngành của Bộ Văn hoá - Thông tin;

2.3. Trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định việc phân công, phân cấp hoặc uỷ quyền quản lý về lĩnh vực văn - thông tin đối với Ủy ban nhân dân huyện, quận, thành phố, thị xã thuộc tỉnh (sau đây gọi chung là cấp huyện) và các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh theo quy định của pháp luật;

2.4. Tổ chức, chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật, quy hoạch, kế hoạch, chương trình phát triển văn hoá thông tin đã được phê duyệt; tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật và thông tin về văn hoá - thông tin;

2.5. Về di sản văn hoá

2.5.1. Trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy chế, giải pháp huy động, quản lý, sử dụng các nguồn lực để bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hoá tại địa phương; chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện sau khi được phê duyệt;

2.5.2. Trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

- Quyết định thành lập bảo tàng cấp tỉnh, ban quản lý di tích; công nhận bảo tàng tư nhân; xếp hạng và huỷ bỏ xếp hạng bảo tàng, di tích theo thẩm quyền;

- Phê duyệt dự án bảo quản, tu bổ và phục hồi di tích cấp tỉnh;

- Phê duyệt dự án bảo quản, tu bổ và phục hồi di tích quốc gia, di tích quốc gia đặc biệt theo quy định của pháp luật, sau khi có văn bản thẩm định của Bộ trưởng Bộ Văn hoá - Thông tin.

2.5.3. Tổ chức điều tra, phát hiện, thống kê, phân loại và lập hồ sơ di sản văn hoá phi vật thể thuộc địa bàn tỉnh;

2.5.4. Hướng dẫn thủ tục và cấp giấy phép nghiên cứu, sưu tầm di sản văn hoá phi vật thể trên địa bàn tỉnh cho tổ chức, cá nhân nước ngoài và người Việt Nam định cư ở nước ngoài;

2.5.5. Chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh về việc tổ chức thực hiện kiểm kê, phân loại, lập hồ sơ xếp hạng di tích lịch sử, văn hoá và danh lam thắng cảnh thuộc địa bàn tỉnh;

2.5.6. Chịu trách nhiệm thẩm định dự án cải tạo, xây dựng các công trình nằm ngoài khu vực bảo vệ di tích cấp tỉnh có khả năng ảnh hưởng đến cảnh quan, môi trường của di tích;

2.5.7. Chịu trách nhiệm tổ chức, chỉ đạo việc thu nhận, bảo quản các di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia ở địa phương theo quy định của pháp luật;

2.5.8. Đăng ký và tổ chức quản lý di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia trong phạm vi tỉnh; cấp giấy phép làm bản sao di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia thuộc bảo tàng cấp tỉnh và sở hữu tư nhân.

2.6. Về nghệ thuật biểu diễn:

2.6.1. Trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phương án sắp xếp tổ chức các đơn vị nghệ thuật biểu diễn thuộc phạm vi quản lý của địa phương phù hợp với quy hoạch phát triển ngành nghệ thuật biểu diễn của Bộ Văn hoá - Thông tin; tổ chức thực hiện sau khi được phê duyệt;

2.6.2. Trình Chủ tịch UBND cấp tỉnh ban hành qui chế tổ chức liên hoan, hội thi, hội diễn về nghệ thuật biểu diễn do địa phương tổ chức trên địa bàn phù hợp với quy định của Bộ Văn hoá - Thông tin; kiểm tra việc thực hiện quy chế và xử lý vi phạm thuộc thẩm quyền;

2.6.3. Cấp phép công diễn chương trình, tiết mục, vở diễn ở trong nước và có yếu tố nước ngoài cho các đối tượng:

a. Đơn vị nghệ thuật biểu diễn chuyên nghiệp, đơn vị có chức năng tổ chức biểu diễn nghệ thuật công lập, ngoài công lập thuộc địa phương;

b. Cơ quan Nhà nước, tổ chức kinh tế, chính trị, văn hoá, xã hội không có chức năng tổ chức biểu diễn nghệ thuật có nhu cầu tổ chức biểu diễn nghệ thuật chuyên nghiệp có doanh thu nhằm mục đích phục vụ công tác xã hội, từ thiện ở địa phương;

c. Tổ chức kinh tế, chính trị, văn hoá, xã hội nước ngoài, tổ chức quốc tế hoạt động hợp pháp trên lãnh thổ Việt Nam đặt trụ sở chính tại địa phương.

2.6.4. Cấp giấy tiếp nhận chương trình, vở diễn; giấy phép quảng cáo về biểu diễn nghệ thuật cho đơn vị nghệ thuật biểu diễn, đơn vị có chức năng tổ chức biểu diễn nghệ thuật chuyên nghiệp đã được Cục Nghệ thuật biểu diễn, Sở Văn hoá - Thông tin tỉnh, thành phố khác cấp giấy phép công diễn đến biểu diễn tại địa phương;

2.6.5. Trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cho phép các đoàn nghệ thuật, diễn viên Việt Nam thuộc địa phương ra nước ngoài biểu diễn và các đoàn nghệ thuật, diễn viên nước ngoài đến biểu diễn nghệ thuật tại địa phương;

2.6.6. Cấp phép và kiểm tra việc sản xuất, phát hành băng, đĩa về ca múa nhạc, sân khấu cho tổ chức, cá nhân thuộc địa phương theo quy định của Bộ Văn hoá - Thông tin.

2.7. Về điện ảnh:

2.7.1. Trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định điều kiện hoạt động kinh doanh: bán và cho thuê băng đĩa hình, phát hành phim và chiếu bóng;

2.7.2. Cấp phép phổ biến phim, băng, đĩa hình các thể loại (trừ phim truyện) do các cơ sở thuộc địa phương sản xuất và nhập khẩu;

2.7.3. Trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tạm dừng việc phổ biến những địa phương, đã được cấp giấy phép phổ biến, nếu nội dung bộ phim chưa phù hợp với tình hình thực tế tại địa phương; đồng thời báo cáo Bộ Văn hoá Thông tin và tổ chức thực hiện theo chỉ đạo của Bộ Văn hoá - Thông tin

2.8. Về mỹ thuật, nhiếp ảnh:

2.8.1. Trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định thành lập Hội đồng nghệ thuật tượng đài, tranh hoành tráng cấp tỉnh theo Quy chế xây dựng tượng đài, tranh hoành tráng của Bộ Văn hoá - Thông tin; chịu trách nhiệm là uỷ viên thường trực của Hội đồng;

2.8.2. Chỉ đạo và tổ chức thực hiện các hoạt động mỹ thuật, nhiếp ảnh quy mô cấp tỉnh và khu vực;

2.8.3. Cấp phép và hướng dẫn hoạt động triển lãm mỹ thuật, triển lãm ảnh, tổ chức các cuộc thi ảnh nghệ thuật, liên hoan ảnh, sao chép tác phẩm mỹ thuật tại địa phương theo quy chế hoạt động triển lãm mỹ thuật, quy chế hoạt động nhiếp ảnh, quy chế sao chép tác phẩm mỹ thuật do Bộ Văn hoá - Thông tin ban hành;

2.8.4. Thẩm định, cấp phép thể hiện phần mỹ thuật đối với các dự án xây dựng tượng đài, tranh hoành tráng theo uỷ quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

2.9. Về báo chí:

2.9.1. Thực hiện quản lý Nhà nước về hoạt động báo chí trên địa bàn tỉnh bao gồm báo in, báo nói, báo hình, báo điện tử theo phân công và uỷ quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh phù hợp với quy định của Luật Báo chí và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật;

2.9.2. Cấp phép cho tác phẩm báo chí của cá nhân, tổ chức ở địa phương mà cá nhân, tổ chức đó không thuộc các cơ quan báo chí, đưa ra đăng báo, tạp chí hoặc phát trên đài phát thanh, truyền hình ở nước ngoài;

2.9.3. Tổ chức kiểm tra báo chí lưu chiều và quản lý báo chí lưu chiều của địa phương;

2.9.4. Cấp, thu hồi giấy phép hoạt động bản tin cho các cơ quan, tổ chức trên địa bàn tỉnh;

2.9.5. Cấp, thu hồi giấy phép sử dụng thiết bị thu tín hiệu truyền hình từ vệ tinh (TVRO) trên địa bàn tỉnh theo thẩm quyền;

2.9.6. Cấp phép hợp báo đối với các cơ quan, tổ chức của địa phương.

2.10. Về xuất bản:

2.10.1. Tổ chức thẩm định, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hồ sơ xin phép thành lập nhà xuất bản của các tổ chức, cơ quan Nhà nước thuộc tỉnh;

2.10.2. Cấp, thu hồi giấy phép xuất bản các tài liệu lưu hành nội bộ của cơ quan, tổ chức thuộc địa phương và giấy phép nhập khẩu xuất bản phẩm không nhằm mục đích kinh doanh theo quy định của pháp luật;

2.10.3. Nhập lưu chiều, kiểm tra nội dung xuất bản phẩm của nhà xuất bản, của các tổ chức, cơ quan thuộc địa phương; chịu trách nhiệm tổ chức thẩm định khi phát hiện xuất bản phẩm lưu chiều có dấu hiệu vi phạm pháp luật.

2.11. Về quyền tác giả đối với tác phẩm văn học, nghệ thuật:

2.11.1. Có trách nhiệm tổ chức thực hiện các biện pháp bảo vệ quyền lợi hợp pháp của Nhà nước, tổ chức và cá nhân trong lĩnh vực quyền tác giả đối với tác phẩm văn học nghệ thuật trên địa bàn tỉnh theo quy định của pháp luật;

2.11.2. Tổ chức thực hiện và hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật về quyền tác giả văn học, nghệ thuật và chế độ nhuận bút cho tác giả, chủ sở hữu tác phẩm văn học, nghệ thuật;

2.11.3. Thẩm định quyền tác giả khi có tranh chấp theo yêu cầu của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

2.12. Về thư viện:

2.12.1. Chuyển giao các xuất bản phẩm lưu chiều tại địa phương cho thư viện cấp tỉnh theo quy định;

2.12.2. Hướng dẫn việc đăng ký và đăng ký hoạt động thư viện trong tỉnh theo quy định của Bộ Văn hoá - Thông tin;

2.12.3. Chỉ đạo các thư viện trong tỉnh xây dựng quy chế tổ chức hoạt động theo quy chế mẫu của Bộ Văn hoá - Thông tin;

2.13. Về quảng cáo:

2.13.1. Thẩm định hồ sơ, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cấp, sửa đổi, bổ sung, thu hồi giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của tổ chức, cá nhân nước ngoài kinh doanh dịch vụ quảng cáo đặt tại địa bàn tỉnh;

2.13.2. Cấp, thu hồi giấy phép quảng cáo trên bảng, biển, pa-nô, băng-rôn, màn hình đặt nơi công cộng, vật phát quang, vật thể trên không, dưới nước, phương tiện giao thông, vật thể di động khác trên địa bàn tỉnh.

2.14. Về văn hoá quần chúng, thông tin cổ động, triển lãm:

2.14.1. Hướng dẫn xây dựng quy chế tổ chức và hoạt động của các thiết chế văn hoá, thông tin trên địa bàn tỉnh theo quy chế mẫu của Bộ Văn hoá - Thông tin;

2.14.2. Chỉ đạo và hướng dẫn tổ chức các lễ hội; thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang; xây dựng gia đình, làng, xã, cơ quan, đơn vị văn hoá trên địa bàn tỉnh;

2.14.3. Trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy chế phối hợp với các sở, ban, ngành, đoàn thể chỉ đạo và hướng dẫn phong trào "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá" chịu trách nhiệm Thường trực Ban chỉ đạo phong trào "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá";

2.14.4. Chịu trách nhiệm chỉ đạo, hướng dẫn và tổ chức thực hiện kế hoạch hoạt động thông tin, tuyên truyền cổ động, triển lãm phục vụ các nhiệm vụ chính trị, kinh tế, văn hoá, xã hội và quy hoạch hệ thống cổ động trực quan trên địa bàn tỉnh;

2.14.5. Tổ chức các cuộc thi sáng tác tranh cổ động, cụm cổ động; cung cấp tài liệu tuyên truyền, tranh cổ động phục vụ nhiệm vụ chính trị, kinh tế, văn hóa xã hội trên địa bàn;

2.14.6. Hướng dẫn và kiểm tra việc thực hiện quy chế tổ chức liên hoan, hội thi, hội diễn văn nghệ quần chúng, triển lãm tại địa phương; cấp giấy phép triển lãm theo quy chế hoạt động triển lãm của Bộ Văn hóa Thông tin.

2.15. Tổ chức hoặc phối hợp với các cơ quan hữu quan khác tổ chức thực hiện các biện pháp phòng chống, ngăn chặn các hoạt động văn hóa thông tin vi phạm pháp luật;

2.16. Hướng dẫn, kiểm tra hoạt động của các tổ chức sự nghiệp dịch vụ công thuộc các lĩnh vực quản lý của Sở; chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra các tổ chức sự nghiệp trực thuộc Sở thực hiện đổi mới cơ chế quản lý theo quy định của pháp luật;

2.17. Giúp Ủy ban Nhân dân cấp tỉnh quản lý Nhà nước nội dung hoạt động của các hội và các tổ chức phi Chính phủ trong lĩnh vực văn hóa, thông tin của địa phương theo quy định của pháp luật;

2.18. Nghiên cứu, ứng dụng các tiến bộ khoa học, công nghệ; xây dựng hệ thống thông tin, lưu trữ tư liệu về các lĩnh vực quản lý của Sở;

2.19. Thực hiện hợp tác quốc tế trong lĩnh vực văn hóa, thông tin theo quy định của pháp luật và sự chỉ đạo của Ủy ban Nhân dân cấp tỉnh;

2.20. Trình Ủy ban Nhân dân cấp tỉnh chương trình, kế hoạch cải cách hành chính, xã hội hóa hoạt động văn hóa, thông tin; chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện sau khi được phê duyệt;

2.21. Hướng dẫn, kiểm tra về chuyên môn, nghiệp vụ đối với cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban Nhân dân cấp huyện thực hiện nhiệm vụ quản lý Nhà nước về văn hóa, thông tin;

2.22. Kiểm tra, thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo, chống tham nhũng, tiêu cực và xử lý các vi phạm pháp luật về văn hóa, thông tin theo quy định của pháp luật;

2.23. Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng về chuyên môn, nghiệp vụ đối với các tài năng văn hóa nghệ thuật và đối với cán bộ, công chức, viên chức hoạt động văn hóa, thông tin trên địa bàn tỉnh;

2.24. Tổng hợp, thống kê, báo cáo định kỳ và đột xuất về tình hình thực hiện nhiệm vụ được giao theo quy định với Ủy ban Nhân dân cấp tỉnh và Bộ Văn hóa Thông tin;

2.25. Quản lý, tổ chức bộ máy biên chế, thực hiện chế độ tiền lương và các chính sách, chế độ đãi ngộ, khen thưởng, kỷ luật đối với cán bộ, công chức, viên chức thuộc Sở theo quy định;

2.26. Quản lý tài chính, tài sản được giao và thực hiện ngân sách phân bổ theo quy định của pháp luật và phân cấp của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;

2.27. Thực hiện các nhiệm vụ khác do Chủ tịch Ủy ban Nhân dân cấp tỉnh giao.

Đối với những tỉnh thành lập Sở Văn hóa Thông tin và Thể thao thì ngoài việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn về lĩnh vực văn hóa thông tin quy định tại Thông tư này còn thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn về lĩnh vực thể dục thể thao theo Thông tư liên tịch Ủy ban Thể dục Thể thao - Bộ Nội vụ hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của cơ quan chuyên môn giúp Ủy ban Nhân dân quản lý Nhà nước về thể dục thể thao ở địa phương.

3. Tổ chức và biên chế:

3.1. Lãnh đạo Sở

Sở Văn hóa Thông tin có Giám đốc và không quá 3 Phó Giám đốc.

Giám đốc Sở chịu trách nhiệm và báo cáo công tác trước Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Bộ Văn hóa Thông tin và báo cáo công tác trước Hội đồng nhân dân cấp tỉnh khi được yêu cầu.

Giám đốc Sở chịu trách nhiệm trước Ủy ban Nhân dân cấp tỉnh, trước pháp luật về toàn bộ hoạt động của Sở và việc thực hiện nhiệm vụ được giao.

Các Phó Giám đốc chịu trách nhiệm trước Giám đốc và trước pháp luật về lĩnh vực công tác được phân công.

Chủ tịch Ủy ban Nhân dân cấp tỉnh quyết định việc bổ nhiệm Giám đốc và Phó Giám đốc Sở theo tiêu chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ do Bộ trưởng Bộ Văn hóa Thông tin quy định và theo quy định của Đảng và Nhà nước về công tác cán bộ.

Việc miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật Giám đốc và Phó Giám đốc Sở thực hiện theo quy định của pháp luật.

3.2. Cơ cấu tổ chức của Sở, gồm:

- Văn phòng
- Thanh tra;
- Các phòng chuyên môn, nghiệp vụ;
- Các tổ chức sự nghiệp.

Việc thành lập các phòng chuyên môn, nghiệp vụ dựa trên nguyên tắc bảo đảm bao quát đầy đủ các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý Nhà nước của Sở; chức năng, nhiệm vụ của từng phòng phải rõ ràng, không chồng chéo với chức năng, nhiệm vụ của phòng và tổ chức khác thuộc Sở; phù hợp với đặc điểm và khối lượng công việc thực tế ở địa phương, bảo đảm đơn giản về thủ tục hành chính và thuận lợi trong việc giải quyết các đề nghị của tổ chức và công dân.

Số phòng chuyên môn, nghiệp vụ của Sở không quá 8 phòng đối với thành phố Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh; không quá 6 phòng đối với các tỉnh, thành phố còn lại.

Số lượng, tên gọi các phòng chuyên môn, nghiệp vụ của Sở do Giám đốc Sở Văn hóa - Thông tin phối hợp với Giám đốc Sở Nội vụ trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định.

Giám đốc Sở Văn hóa Thông tin phối hợp với Giám đốc Sở Nội vụ trình Chủ tịch Ủy ban Nhân dân cấp tỉnh quyết định thành lập các tổ chức sự nghiệp, trực thuộc Sở theo quy định của pháp luật và đáp ứng yêu cầu phục vụ quản lý ngành, phục vụ nhu cầu hưởng thụ văn hóa của nhân dân.

Giám đốc Sở Văn hóa Thông tin quy định nhiệm vụ quyền hạn của Văn phòng, phòng chuyên môn, nghiệp vụ, các tổ chức sự nghiệp thuộc Sở và quy định trách nhiệm của người đứng đầu các tổ chức thuộc Sở theo quy định của pháp luật; giúp Ủy ban Nhân dân cấp tỉnh hướng dẫn xây dựng chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của cơ quan chuyên môn giúp Ủy ban Nhân dân cấp huyện quản lý Nhà nước về văn hóa, thông tin theo quy định tại Nghị định số 172/2004/NĐ-CP ngày 29 tháng 9 năm 2004 của Chính phủ.

3.3. Biên chế:

Biên chế của Văn phòng, Thanh tra, các phòng chuyên môn, nghiệp vụ là biên chế quản lý Nhà nước. Biên chế của Sở Văn hóa Thông tin do Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định theo quy định tại Nghị định số 71/2003/NĐ-CP ngày 19/6/2003 của Chính phủ về phân cấp quản lý biên chế hành chính, sự nghiệp Nhà nước và Nghị định số 112/2004/NĐ-CP ngày 08/4/2004 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý biên chế đối với đơn vị sự nghiệp của Nhà nước.

Giám đốc Sở Văn hóa Thông tin bố trí, sử dụng cán bộ, công chức, viên chức của Sở phải phù hợp với chức danh, tiêu chuẩn, ngạch công chức, viên chức Nhà nước theo quy định của pháp luật về cán bộ, công chức.

II. CƠ QUAN CHUYÊN MÔN GIÚP ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN, QUẬN, THỊ XÃ, THÀNH PHỐ THUỘC TỈNH QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ VĂN HÓA THÔNG TIN THỂ THAO

1. Chức năng:

Cơ quan chuyên môn giúp Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh (sau đây gọi chung là UBND cấp huyện) thực hiện chức năng quản lý Nhà nước về văn hóa, thông tin, thể thao, quản lý Nhà nước các dịch vụ công thuộc ngành văn hóa thông tin thể thao trên địa bàn huyện được tổ chức theo quy định tại Nghị định số 172/2004/NĐ-CP ngày 29 tháng 9 năm 2004 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh.

Cơ quan chuyên môn chịu sự chỉ đạo, quản lý về tổ chức, biên chế và công tác của Ủy ban nhân dân cấp huyện, đồng thời chịu sự chỉ đạo, kiểm tra về chuyên môn, nghiệp vụ của Sở văn hóa Thông tin, Sở Thể dục thể thao hoặc Sở Văn hóa Thông tin và Thể thao.

2. Nhiệm vụ và quyền hạn:

Ủy ban nhân dân cấp huyện quy định cụ thể chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan chuyên môn giúp Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện chức năng quản lý Nhà nước về văn hóa thông tin, thể thao theo hướng dẫn của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

3. Biên chế:

Căn cứ đặc điểm, tình hình phát triển văn hóa thông tin thể thao ở địa phương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định biên chế để đáp ứng nhiệm vụ quản lý Nhà nước về văn hóa thông tin, thể thao trong tổng biên chế hành chính được Ủy ban Nhân dân cấp tỉnh giao cho huyện.

III. NHIỆM VỤ QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ VĂN HÓA THÔNG TIN CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ, PHƯỜNG, THỊ TRẤN

Nhiệm vụ quản lý Nhà nước về văn hóa thông tin của Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn (sau đây gọi chung là UBND cấp xã) do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định theo đề nghị của Giám đốc Sở Văn hóa Thông tin và Giám đốc Sở Nội vụ.

Căn cứ tình hình thực tế, yêu cầu nhiệm vụ quản lý Nhà nước về văn hóa thông tin ở địa phương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định số lượng cán bộ không chuyên trách về văn hóa thông tin ở xã theo quy định của Nghị định số 121/2003/NĐ-CP ngày 21 tháng 10 năm 2003 của Chính phủ về chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức ở xã, phường, thị trấn.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo, thay thế các nội dung hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức về văn hóa thông tin tại Thông tư liên tịch số 28/1998/TTLT-VHTT-TDĐT-TCCP ngày 13 tháng 01 năm 1998 của Liên Bộ Văn hóa Thông tin - Ủy ban Thể dục Thể thao - Ban Tổ chức cán bộ Chính phủ (nay là Bộ Nội vụ);

2. Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện Thông tư này. Trong quá trình thực hiện Thông tư này, nếu có vấn đề phát sinh hoặc có khó khăn, vướng mắc các tỉnh cần phản ánh kịp thời về Bộ Văn hóa Thông tin và Bộ Nội vụ nghiên cứu giải quyết.

Đỗ Quang Trung

(Đã ký)

Phạm Quang Nghị

(Đã ký)